

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2020/DS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2020

V/v Tranh chấp tiền hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “tranh chấp tiền hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1963 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thanh T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị M trình bày: Ông H, bà T có tham gia chơi hội do bà làm chủ cụ thể như sau:

+ Dây thứ nhất: Khui vào ngày 06/10/2013 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, dây hội gồm 48 chân, ông H, bà T có tham gia 01 chân hội, hội khui được 31 lần thì ông H, bà T hốt hội, bà đã giao tiền hội đủ cho ông H, bà T. Sau khi hốt hội ông H, bà T không đóng hội còn nợ 17 lần hội chết với số tiền 34.000.000 đồng.

+ Dây hội thứ hai: Khui vào ngày 01/9/2014 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, hội gồm 41 chân, bà T và ông H có tham gia 01 chân hội. Đến kỳ thứ 19 thì ông H và bà T hốt hội, bà đã giao tiền hội cho ông H, bà T. Sau khi hốt hội ông H, bà T không đóng hội còn nợ 22 kỳ hội với số tiền là 44.000.000 đồng. Trong dây hội này ông H, bà T có mua hai chân hội đã đóng được 19 kỳ hội, ông H, bà T chưa hốt 02 chân hội mua. Bà còn nợ ông H, bà T 19 kỳ của 02 chân hội mua với số tiền 76.000.000 đồng, trừ tiền còn 2.000.000 đồng, bà còn nợ ông H, bà T 02 chân hội mua với số tiền 74.000.000 đồng.

+ Dây thứ ba: Khui vào ngày 15/01/2015, loại hội 2.000.000 đồng, hội gồm 30 chân, ông H và bà T tham gia 01 chân hội. Hội khui được 15 lần, ông H và bà T hốt, bà đã giao tiền hội cho ông H, bà T còn nợ lại 8.000.000 đồng. Sau khi hốt hội ông H, bà T còn nợ lại 15 kỳ hội với số tiền 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền của 03 dây hội ông H và bà T còn nợ bà với tổng số tiền là 108.000.000 đồng đối trừ bà còn nợ ông H và bà T số tiền 02 chân hội mua 74.000.000 đồng và 8.000.000 đồng tiền giao hội thiếu. Hiện tại ông H và bà T còn nợ bà 26.000.000 đồng. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn H và bà Phan Thanh T trả cho bà số tiền còn nợ hội là 26.000.000 đồng.

- Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 01 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông thừa nhận ông có tham gia chơi hội và mua hội đúng như bà M trình bày, bà M cho rằng ông và bà T hốt hết 03 chân hội là không đúng, tất cả các chân hội ông và bà T chưa hốt hội. Bà M yêu cầu ông trả số tiền 26.000.000 đồng ông không đồng ý vì ông chưa hốt hội nên không có nợ tiền hội bà M mà bà M còn nợ tiền hội ông và bà T. Bà M nợ ông và bà T các dây hội cụ thể như sau:

+ Đối với dây hội khui vào ngày 06/10/2013 âm lịch ông và bà T tham gia 01 chân và đã đóng hội được 31 kỳ thì bà M không gom hội nữa, dây hội này bà M còn nợ ông và bà T số tiền 62.000.000 đồng.

+ Đối với dây hội khui vào ngày 01/9/2014 âm lịch ông và bà T tham gia 01 chân và mua 02 chân tổng cộng 03 chân. Ông và bà T đã đóng hội được 19 kỳ thì bà M không gom hội nữa bà M còn nợ ông 38.000.000 đồng. Dây hội này ông có

mua hai chân hụi bà M còn nợ ông và bà T số tiền 72.000.000 đồng. Tổng cộng đây này bà M còn nợ 110.000.000 đồng.

+ Đối với dây hụi khui vào ngày 15/01/2015 âm lịch ông và bà T tham gia 01 chân, ông và bà T đã đóng hụi được 15 kỳ thì bà M không gom hụi nữa, dây hụi này bà M còn nợ ông và bà T số tiền 30.000.000 đồng.

Tổng cộng bà M còn nợ ông và bà T số tiền 202.000.000 đồng. Do đó, ông yêu cầu bà M, ông D có nghĩa vụ trả cho ông và bà T số tiền 202.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông H thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, ông H yêu cầu bà M, ông D trả số tiền của hai chân hụi mà ông đã mua với số tiền 74.000.000 đồng, không yêu cầu số tiền 03 chân hụi chưa hốt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn H, buộc bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn D trả cho ông H số tiền 74.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Phạm Văn H và bà Phan Thanh T trả tiền hụi, ông Phạm Văn H có yêu cầu phản tố yêu cầu bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn D trả tiền hụi. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp tiền hụi*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn D, bà Phan Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn D, bà Phan Thanh T.

[3] Tại phiên tòa ông H thay đổi yêu cầu phản tố, ông H chỉ yêu cầu bà M, ông D trả tiền hụi với số tiền 74.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi nội dung phản tố của ông H tại phiên tòa không vượt quá yêu cầu phản tố ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét thấy yêu cầu của bà Huỳnh Thị M: Tại phiên tòa bà Huỳnh Thị M cho rằng ông H, bà T có tham gia chơi hụi do bà làm chủ, ông H, bà M đã hốt hụi, bà đã chung hụi đầy đủ cho ông H, bà T. Sau khi hốt hụi ông H, bà T không đóng hụi chết, tổng cộng ông H, bà T còn nợ bà tiền hụi chết 108.000.000 đồng đối trừ bà còn nợ ông H và bà T số tiền 02 chân hụi mua 74.000.000 đồng và 8.000.000 đồng tiền giao hụi thiếu, ông H, bà M còn nợ bà số tiền 26.000.000 đồng. Ông H cho rằng có tham gia chơi hụi do bà M làm chủ tất cả các dây hụi ông chưa hốt, ông tham gia được một thời gian thì bà M đình hụi nên bà M còn nợ tiền ông, ông

không có nợ tiền của bà M. Xét thấy việc bà M làm chủ hội ông H, bà T có tham gia chơi hội là có thật, việc này các đương sự thừa nhận. Bà M cho rằng ông H đã hốt hội và bà M đã chung hội đầy đủ cho ông H nên yêu cầu ông H phải trả tiền hội chết chưa đóng sau khi đòi trừ tiền hội ông H mua và tiền bà thiếu ông H thì ông H còn nợ bà số tiền 26.000.000 đồng; ông H không thừa nhận đã hốt hội. Bà M cho rằng ông H đã hốt hội và bà đã chung tiền hội đầy đủ cho ông H nhưng bà M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông H đã hốt hội và bà đã chung tiền hội cho ông H nên bà M yêu cầu ông H trả tiền hội chết là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn H: Ông H cho rằng ông có mua của bà M hai chân hội với số tiền 74.000.000 đồng, bà M đình hội nên ông yêu cầu bà M, ông D trả cho ông và bà T tiền hai chân hội mua với số tiền 74.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà M thừa nhận ông H có mua hai chân hội và bà còn nợ ông H số tiền 74.000.000 đồng. Do đó, ông H yêu cầu bà M, ông D trả số tiền 74.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa bà M thừa nhận danh sách hội do ông D chồng bà đứng tên, bà là người trực tiếp giao dịch với hội viên và tiền thu được từ việc làm chủ hội sử dụng chung cho gia đình. Do đó, bà M nợ tiền hội ông H, bà T là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân với ông D nên ông D có nghĩa vụ liên đới cùng bà M trả nợ cho ông H, bà T.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị như trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân cần tiếp tục duy trì cho đến khi bản án có hiệu lực để đảm bảo việc thi hành án.

[9] Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận và đối với số tiền phải trả cho ông H với số tiền là 5.000.000 đồng bà M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 900.000 đồng được chuyển thu án phí, bà M phải nộp tiếp 4.100.000 đồng. Ông H không phải chịu án phí, ông H đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 4.200.000 đồng được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu phượng.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M về việc yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Phan Thanh T trả số tiền hui 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn H. Buộc bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn H và bà Phan Thanh T số tiền 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Phú Tân cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn D phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 5.000.000 đồng, bà M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019023 ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu án phí. Bà M, ông D phải nộp tiếp 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm ngàn đồng).

Ông Phạm Văn H không phải chịu án phí, ông H đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019090 ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được nhận lại.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều